

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2022/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

- Mã chứng khoán: VNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2022 của kiểm toán (theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/8/2022 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHAN THỊ HỒNG VÂN

**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
DU LỊCH
THÀNH
THÀNH
CÔNG**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG
DN: C=VN, L=TPHCM,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH THÀNH THÀNH
CÔNG,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:3500753423,
E=INFO@VINAGOLF.VN
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2022.08.26 21:28:
43+07'00'
Foxit Reader Version:
10.1.0

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 53



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Đình Việt.

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch ủy ban kiểm toán	bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Chủ tịch ủy ban kiểm toán	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

Ông Đặng Đình Việt được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định số 02B/2022/QĐ-CTHĐQT ngày 6 tháng 2 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.


Đặng Đình Việt
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 11950306/E-22989048/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		456.416.276.719	364.609.098.397
110	I. Tiền	4	10.594.679.985	4.337.878.882
111	1. Tiền		10.594.679.985	4.337.878.882
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		441.121.793.512	355.734.076.848
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	69.660.080.330	21.923.868.926
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	115.664.222.078	118.781.615.275
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	66.270.000.000	66.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	193.642.048.671	152.523.150.214
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(4.134.640.275)	(4.134.640.275)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		20.082.708	20.082.708
140	III. Hàng tồn kho	9	1.181.985.962	790.655.590
141	1. Hàng tồn kho		1.181.985.962	790.655.590
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.517.817.260	3.746.487.077
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	476.138.395	362.794.259
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	3.037.178.865	3.376.766.692
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	4.500.000	6.926.126

BẢNG CẢN ĐÔI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.692.129.521.136	1.335.537.909.477
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		398.135.000.000	10.750.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	398.100.000.000	10.750.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	35.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		122.815.777.270	129.623.297.019
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	94.435.519.513	100.665.528.918
222	Nguyên giá		166.094.984.070	173.606.536.558
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(71.659.464.557)	(72.941.007.640)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	28.380.257.757	28.957.768.101
228	Nguyên giá		40.916.735.812	40.916.735.812
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.536.478.055)	(11.958.967.711)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.726.714.503	1.560.047.836
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.726.714.503	1.560.047.836
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.162.528.276.460	1.183.305.282.303
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	946.956.579.312	946.756.579.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	225.394.459.724	248.554.784.724
253	3. Đầu tư dài hạn khác	14.3	1.206.295.000	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(11.029.057.576)	(12.006.081.733)
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.923.752.903	10.299.282.319
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	6.923.752.903	10.299.282.319
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.148.545.797.855	1.700.147.007.874




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		960.584.735.137	515.202.901.931
310	I. Nợ ngắn hạn		330.812.352.829	341.714.463.803
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	27.118.427.076	12.775.865.396
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	55.724.094.604	47.491.251.979
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.103.482.629	2.545.784.559
314	4. Phải trả người lao động		460.684.239	12.202.637
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	12.791.711.267	3.527.085.701
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	102.354.546	67.290.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	53.459.609.830	65.348.899.880
320	8. Vay ngắn hạn	21	176.583.934.916	209.470.556.019
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		468.053.722	475.526.722
330	II. Nợ dài hạn		629.772.382.308	173.488.438.128
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	-	12.373.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	14.502.404.716	14.002.404.716
338	3. Vay dài hạn	21	615.269.977.592	147.113.033.412
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.187.961.062.718	1.184.944.105.943
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.187.961.062.718	1.184.944.105.943
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		102.015.460.566	98.998.503.791
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		98.998.503.791	94.884.324.628
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.016.956.775	4.114.179.163
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.148.545.797.855	1.700.147.007.874


Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập


Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng


Đặng Đình Việt
Tổng Giám đốc




Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 26 tháng 8 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	141.131.760.822	88.141.445.131
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(114.294.626.020)	(82.318.050.248)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.837.134.802	5.823.394.883
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	50.310.972.354	42.731.773.952
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(41.930.403.379) (38.441.023.170)	(14.700.889.042) (13.680.043.860)
25	6. Chi phí bán hàng	26	(8.300.559.041)	(5.462.403.245)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(21.838.338.406)	(22.141.341.248)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.078.806.330	6.250.535.300
31	9. Thu nhập khác		43.658.556	38.945.598
32	10. Chi phí khác		(1.438.562.357)	(687.884.640)
40	11. Lỗ khác		(1.394.903.801)	(648.939.042)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.683.902.529	5.601.596.258
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(666.945.754)	(413.360.413)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.016.956.775	5.188.235.845


Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập


Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng


Đặng Đình Việt
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.683.902.529	5.601.596.258
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	3.068.595.329	3.325.765.461
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(977.024.157)	1.020.780.261
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(48.946.441.469)	(42.733.639.066)
06	Chi phí lãi vay	25	38.441.023.170	13.680.043.860
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.729.944.598)	(19.105.453.226)
09	Tăng các khoản phải thu		(33.545.088.037)	(68.501.155.341)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(391.330.372)	78.448.842
11	Tăng các khoản phải trả		9.150.768.496	3.893.687.120
12	Giảm chi phí trả trước		3.262.185.280	3.348.685.078
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.139.754.291)	(9.050.692.123)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	-	(1.044.137.798)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.473.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(64.400.636.522)	(90.380.617.448)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(166.666.667)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.374.727.273	29.800.000
23	Tiền chi cho vay		(500.000.000.000)	(53.650.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		113.000.000.000	30.100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000)	(1.250.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.379.053.942	10.784.051.352
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(364.612.885.452)	(13.986.148.648)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	641.683.729.129	253.277.044.245
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(206.413.406.052)	(176.000.237.934)
36	Cổ tức đã trả	22.2	-	(475.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		435.270.323.077	77.276.331.311
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.256.801.103	(27.090.434.785)
60	Tiền đầu kỳ		4.337.878.882	33.509.813.240
70	Tiền cuối kỳ	4	10.594.679.985	6.419.378.455

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Đặng Đình Việt
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài, buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 176 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 167).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 để ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định như chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Tài sản khác	6 - 25 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	63.077.053	85.278.852
Tiền gửi ngân hàng	10.527.417.932	4.220.314.380
Tiền đang chuyển	4.185.000	32.285.650
TỔNG CỘNG	10.594.679.985	4.337.878.882

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	62.772.148.534	10.524.776.238
Bà Phạm Trần Hạnh Phương	50.400.000.000	-
Khác	12.372.148.534	10.524.776.238
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	6.887.931.796	11.399.092.688
TỔNG CỘNG	69.660.080.330	21.923.868.926
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.590.502.326)	(3.590.502.326)
GIÁ TRỊ THUẦN	66.069.578.004	18.333.366.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	66.401.927.593	61.441.806.904
Công ty cổ phần Khách sạn Hoàng Cung	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Việt Á	531.200.000	531.200.000
Khác	5.870.727.593	910.606.904
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	49.262.294.485	57.339.808.371
TỔNG CỘNG	115.664.222.078	118.781.615.275
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(134.315.460)	(134.315.460)
GIÁ TRỊ THUẬN	115.529.906.618	118.647.299.815

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	66.270.000.000	66.620.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	49.770.000.000	50.120.000.000
Bên khác	16.500.000.000	16.500.000.000
Dài hạn	398.100.000.000	10.750.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	398.100.000.000	10.750.000.000
TỔNG CỘNG	464.370.000.000	77.370.000.000

7.1 Các khoản cho vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Lãi suất %/năm
	VND		
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	37.820.000.000	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 2 năm 2023	10,8
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2023 đến ngày 8 tháng 5 năm 2023	10,6
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	6.700.000.000	Ngày 12 tháng 8 năm 2022	10,8
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	5.250.000.000	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2022 đến ngày 26 tháng 5 năm 2023	11,0
TỔNG CỘNG	66.270.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

7.2 Các khoản cho vay dài hạn

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn được trình bày như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty TNHH Du lịch TTC	272.800.000.000	Từ ngày 19 tháng 5 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	12,0
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	83.300.000.000	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2024	12,0
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	42.000.000.000	Ngày 9 tháng 1 năm 2025	12,0
TỔNG CỘNG	<u>398.100.000.000</u>		

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	193.642.048.671	152.523.150.214
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	74.172.682.130	39.832.833.646
Kỳ quỹ	58.137.500.000	61.231.629.600
Tạm ứng cho nhân viên	32.577.942.608	48.542.134.881
Lãi cho vay phải thu	3.761.460.832	2.894.148.501
Khác	24.992.463.101	22.403.586
Dài hạn	35.000.000	-
Kỳ quỹ	35.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>193.677.048.671</u>	<u>152.523.150.214</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(409.822.489)	(409.822.489)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>193.267.226.182</u>	<u>152.113.327.725</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nguyên vật liệu	791.808.781	456.854.504
Hàng hóa	390.177.181	333.801.086
TỔNG CỘNG	<u>1.181.985.962</u>	<u>790.655.590</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	476.138.395	362.794.259
Chi phí bảo hiểm	115.168.599	81.542.210
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	80.793.998	34.717.641
Khác	280.175.798	246.534.408
Dài hạn	6.923.752.903	10.299.282.319
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	5.000.000.000	8.000.000.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.481.685.371	2.065.009.173
Chi phí sửa chữa	403.696.572	148.960.724
Khác	38.370.960	85.312.422
TỔNG CỘNG	<u>7.399.891.298</u>	<u>10.662.076.578</u>

(*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	140.051.313.497	13.287.078.519	14.332.773.643	2.107.703.487	3.827.667.412	173.606.536.558
Thanh lý	-	(36.000.000)	(7.475.552.488)	-	-	(7.511.552.488)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	140.051.313.497	13.251.078.519	6.857.221.155	2.107.703.487	3.827.667.412	166.094.984.070
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	2.223.548.547	2.615.074.602	-	1.509.262.543	-	6.347.885.692
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	53.602.258.288	8.219.454.318	7.115.400.879	1.661.533.484	2.342.360.671	72.941.007.640
Khấu hao trong kỳ	1.444.097.748	388.615.046	498.893.414	55.827.397	103.651.380	2.491.084.985
Thanh lý	-	(15.599.996)	(3.757.028.072)	-	-	(3.772.628.068)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	55.046.356.036	8.592.469.368	3.857.266.221	1.717.360.881	2.446.012.051	71.659.464.557
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	86.449.055.209	5.067.624.201	7.217.372.764	446.170.003	1.485.306.741	100.665.528.918
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	85.004.957.461	4.658.609.151	2.999.954.934	390.342.606	1.381.655.361	94.435.519.513
Trong đó:						
Tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 21)	-	-	8.799.871.972	-	-	8.799.871.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2022	38.892.426.817	1.276.000.000	748.308.995	40.916.735.812
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	171.000.000	-	171.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.947.890.183	599.716.490	411.361.038	11.958.967.711
Hao mòn trong kỳ	497.528.838	61.679.126	18.302.380	577.510.344
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	11.445.419.021	661.395.616	429.663.418	12.536.478.055
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	27.944.536.634	676.283.510	336.947.957	28.957.768.101
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	27.447.007.796	614.604.384	318.645.577	28.380.257.757

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.470.947.836
Khu phức hợp TTC Gia Lai	166.666.667	-
Khác	89.100.000	89.100.000
TỔNG CỘNG	1.726.714.503	1.560.047.836

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	946.956.579.312	946.756.579.312
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	225.394.459.724	248.554.784.724
Đầu tư dài hạn khác (<i>Thuyết minh số 14.3</i>)	1.206.295.000	-
TỔNG CỘNG	1.173.557.334.036	1.195.311.364.036
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.029.057.576)	(12.006.081.733)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.162.528.276.460	1.183.305.282.303

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
			Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu
Công ty TNHH Du lịch TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	483.295.516.000	-	100	483.295.516.000	-	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	442.218.911.050	-	100	442.218.911.050	-	100
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	-	100	13.081.152.262	-	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	5.000.000.000	(205.121.707)	100	5.000.000.000	(781.163.107)	100
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	1.000.000.000	-	100	1.000.000.000	-	100
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	2.361.000.000	-	100	2.161.000.000	(1.440.672.513)	100
TỔNG CỘNG			946.956.579.312	(205.121.707)		946.756.579.312	(2.221.835.620)	

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng % sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng % sở hữu
Công ty CP Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	49,00	24.772.623.054	49,00
Công ty CP Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	- 20,75	18.962.331.670	- 20,75
Công ty CP Du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình") (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	-	-	23.160.325.000	- 22,38
Công ty CP năng lượng sạch Ninh Thuận	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	110.998.205.000	- 44,43	110.998.205.000	- 44,43
Công ty CP Thành Thành Nam	Đang hoạt động	Bất động sản	70.661.300.000	- 42,17	70.661.300.000	- 42,17
GIÁ TRỊ THUẬN			225.394.459.724	(10.823.935.869)	248.554.784.724	(9.784.246.113)

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
			Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình") (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	1.206.295.000	-	1,17	-	-	-

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 21,21% quyền sở hữu của Công ty trong Thanh Bình cho nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp số 157/2022/HĐ-TTC ngày 28 tháng 6 năm 2022 với giá trị là 50.400.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 28.445.970.000 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Theo đó, Công ty hiện còn nắm 1,17% quyền sở hữu trong Thanh Bình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	17.975.654.667	7.619.740.997
Các bên khác	9.142.772.409	5.156.124.399
TỔNG CỘNG	27.118.427.076	12.775.865.396

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	55.724.094.604	47.491.251.979
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	51.467.725.415	44.717.405.470
Các bên khác	4.256.369.189	2.773.846.509
Dài hạn	-	12.373.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	12.373.000.000
TỔNG CỘNG	55.724.094.604	59.864.251.979

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.065.648.805	10.814.812.856	(10.649.939.313)	2.230.522.348
Thuế thu nhập cá nhân	368.949.605	1.659.852.758	(999.303.020)	1.029.499.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	660.019.628	-	660.019.628
Thuế đất	-	157.934.400	-	157.934.400
Thuế tài nguyên	110.554.081	-	(110.554.081)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	14.026.162	-	14.026.162
Thuế khác	632.068	88.544.022	(77.695.342)	11.480.748
TỔNG CỘNG	2.545.784.559	13.395.189.826	(11.837.491.756)	4.103.482.629
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.376.766.692	7.008.250.516	(7.347.838.343)	3.037.178.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.926.126	-	(6.926.126)	-
Thuế khác	-	4.500.000	-	4.500.000
TỔNG CỘNG	3.383.692.818	7.012.750.516	(7.354.764.469)	3.041.678.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Lương tháng 13 và thưởng	3.388.850.360	2.082.448.266
Chi phí thuế	3.306.307.500	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	2.440.499.994	54.000.000
Chi phí lãi vay	1.354.136.752	1.052.867.873
Khác	2.301.916.661	337.769.562
TỔNG CỘNG	<u>12.791.711.267</u>	<u>3.527.085.701</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	53.459.609.830	65.348.899.880
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	42.425.243.062	58.404.449.161
Chi phí lãi vay	4.854.761.640	3.828.744.206
Nhận ký quỹ	920.000.000	1.220.000.000
Cổ tức phải trả	238.998.150	238.998.150
Khác	5.020.606.978	1.656.708.363
Dài hạn	14.502.404.716	14.002.404.716
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	2.583.000.000	2.083.000.000
TỔNG CỘNG	<u>67.962.014.546</u>	<u>79.351.304.596</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Vay	Phân loại lại	Trả nợ vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
					VND
Ngắn hạn	209.470.556.019	129.731.791.138	6.020.976.137	(168.639.388.378)	176.583.934.916
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	138.820.284.655	92.931.791.138	-	(95.389.117.014)	136.362.958.779
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21.2)	47.700.000.000	36.800.000.000	-	(72.500.000.000)	12.000.000.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 21.3)	22.200.000.000	-	-	-	22.200.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	750.271.364	-	6.020.976.137	(750.271.364)	6.020.976.137
Dài hạn	147.113.033.412	511.951.937.991	(6.020.976.137)	(37.774.017.674)	615.269.977.592
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.4)	28.055.756.105	-	(6.020.976.137)	(2.877.318.552)	19.157.461.416
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.5)	73.409.750.000	2.200.000.000	-	(17.114.750.000)	58.495.000.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 21.6)	-	490.341.255.707	-	(97.534.247)	490.243.721.460
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.7)	45.647.527.307	19.410.682.284	-	(17.684.414.875)	47.373.794.716
TỔNG CỘNG	356.583.589.431	641.683.729.129	-	(206.413.406.052)	791.853.912.508

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	66.480.337.815	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 1 tháng 12 năm 2022	7,5	Tài trợ vốn lưu động	Cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); 3.000.000 cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	39.882.620.964	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 12 năm 2022	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai Thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định					
Khoản vay 1	30.000.000.000	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2022 đến ngày 14 tháng 9 năm 2022	6,7	Tài trợ vốn lưu động	2.700.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của TTCI; và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty, DL TTC và Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Tà Cú
TỔNG CỘNG	136.362.958.779				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09e-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần đầu tư Thành Thành Công					
Khoản vay 1	5.000.000.000	Ngày 9 tháng 6 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	5.000.000.000	Ngày 10 tháng 6 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 3	2.000.000.000	Ngày 26 tháng 5 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
TỔNG CỘNG	12.000.000.000				

21.3 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tin					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2022	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2022	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
TỔNG CỘNG	22.200.000.000				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	19.100.061.416	Ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025	Từ 9,1 đến 10,7	Sửa chữa khách sạn Cán Thơ, nhà hàng nướng	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 2	5.774.336.135	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Từ 9,1 đến 10,7	Sửa chữa khách sạn Cán Thơ, nhà hàng nướng	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình					
Khoản vay 1	114.800.000	Ngày 17 tháng 6 năm 2023	8,0	Mua tài sản	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	57.400.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2023	8,0	Mua tài sản	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	131.840.002	Ngày 28 tháng 6 năm 2023	9,9	Mua tài sản	Phương tiện vận tải
	25.178.437.553				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	6.020.976.137				
Vay dài hạn	19.157.461.416				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09e-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.5 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND					
Công Cổ phần Du lịch Thành Bình						
Khoản vay 1	7.000.000.000		Ngày 17 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	7.000.000.000		Ngày 26 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 3	6.500.000.000		Ngày 9 tháng 4 năm 2024	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 4	6.000.000.000		Ngày 29 tháng 11 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 5	3.000.000.000		Ngày 16 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 6	2.800.000.000		Ngày 15 tháng 11 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 7	2.600.000.000		Ngày 25 tháng 4 năm 2024	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 8	1.900.000.000		Ngày 25 tháng 1 năm 2024	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 9	1.400.000.000		Ngày 25 tháng 4 năm 2024	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 10	1.300.000.000		Ngày 26 tháng 11 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 11	1.200.000.000		Ngày 5 tháng 5 năm 2024	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 12	1.100.000.000		Ngày 12 tháng 7 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 13	1.000.000.000		Ngày 25 tháng 4 năm 2024	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 14	1.000.000.000		Ngày 30 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 15	500.000.000		Ngày 30 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 16	500.000.000		Ngày 1 tháng 10 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 17	400.000.000		Ngày 6 tháng 1 năm 2024	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.5 Vay dài hạn từ bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND				
Công Cổ phần Du lịch Thanh Bình (tiếp theo)					
Khoản vay 18	200.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 19	200.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 20	150.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng					
Khoản vay 1	7.345.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	5.400.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
	58.495.000.000				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

Vay dài hạn

58.495.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.6 Phát hành trái phiếu

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Thời hạn trả gốc	Mục đích phát hành	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND				
Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	36 tháng	Trả nợ vay, cấp	9,5	Bất động sản và động sản, quyền tài sản của Công ty, Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC"), Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận, Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre, phần vốn góp tại DL TTC, Quyền tài sản
Chi phí phát hành	(14.125.000.000)	36 tháng	khấu vay cho công ty con, công ty liên kết	-	
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	4.368.721.460				Thung lũng tình yêu
TỔNG CỘNG	490.243.721.460				

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả

Trái phiếu dài hạn 490.243.721.460

21.7 Các khoản vay dài hạn từ các bên khác

Đây là các khoản vay của các cán bộ công nhân viên trong Công ty để tài trợ vốn lưu động trong kỳ. Các khoản vay có thời hạn 2 năm từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, với lãi suất 10,75%/năm và không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	94.884.324.628	1.180.829.926.780
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.188.235.845	5.188.235.845
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	100.072.560.473	1.186.018.162.625
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	98.998.503.791	1.184.944.105.943
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.016.956.775	3.016.956.775
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	102.015.460.566	1.187.961.062.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>
Cổ tức đã trả	-	475.000

22.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (cổ phiếu)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (cổ phiếu)</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>97.276.608</u>	<u>97.276.608</u>
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>97.276.608</u>	<u>97.276.608</u>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đồng năm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	131.271.080.782	78.338.961.427
Doanh thu thuần về bán hàng	9.860.680.040	9.802.483.704
TỔNG CỘNG	<u>141.131.760.822</u>	<u>88.141.445.131</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần đối với các bên khác</i>	102.387.377.912	57.436.429.488
<i>Doanh thu thuần đối với các bên liên quan</i>	38.744.382.910	30.705.015.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	28.445.970.000	28.796.650.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.864.668.616	4.935.052.066
Cổ tức được chia	3.000.000.000	9.000.000.000
Khác	333.738	71.886
TỔNG CỘNG	<u>50.310.972.354</u>	<u>42.731.773.952</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	104.433.945.980	73.435.838.660
Giá vốn hàng bán	9.860.680.040	8.882.211.588
TỔNG CỘNG	<u>114.294.626.020</u>	<u>82.318.050.248</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	38.441.023.170	13.680.043.860
Lãi trái phiếu	4.466.255.707	-
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(977.024.157)	1.020.780.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.416	64.921
Chi phí khác	101.243	-
TỔNG CỘNG	<u>41.930.403.379</u>	<u>14.700.889.042</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	4.749.670.692	3.554.264.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	772.457.990	1.601.394.502
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.311.876	7.311.876
Chi phí khác	2.771.118.483	299.432.089
TỔNG CỘNG	<u>8.300.559.041</u>	<u>5.462.403.245</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	14.424.063.116	12.190.961.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.587.376.417	6.339.623.620
Chi phí khấu hao và hao mòn	645.482.043	793.903.374
Chi phí khác	3.181.416.830	2.816.853.248
TỔNG CỘNG	<u>21.838.338.406</u>	<u>22.141.341.248</u>

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.210.691.913	72.301.603.546
Chi phí nhân viên	23.698.519.267	19.912.522.106
Chi phí nguyên vật liệu	9.860.680.040	8.882.211.588
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	3.068.595.329	3.325.765.461
Chi phí khác	10.595.036.918	5.499.692.040
TỔNG CỘNG	<u>144.433.523.467</u>	<u>109.921.794.741</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>666.945.754</u>	<u>413.360.413</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>3.683.902.529</u>	<u>5.601.596.258</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	736.780.506	1.120.319.252
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.368.092.202	888.885.109
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	207.937.951	204.156.052
Cổ tức được chia	(600.000.000)	(1.800.000.000)
Lỗi năm trước chuyển sang	<u>(2.045.864.905)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>666.945.754</u>	<u>413.360.413</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	11.029.057.576
Chi phí lãi vay	<u>11.259.227.690</u>
TỔNG CỘNG	<u>22.288.285.266</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trong yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
				<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ Dịch vụ tư vấn Phí lưu trú Cổ tức được chia Chi phí khác Lãi cho vay Chi phí lãi vay Dịch vụ lưu trú Cung cấp dịch vụ Chi phí dịch vụ mua ngoài Bán hàng hóa Phí tư vấn Dịch vụ khác Mua hàng hóa	17.504.415.217 8.000.000.000 3.356.923.454 3.000.000.000 363.411.273 93.468.493 83.237.302 18.574.530 13.960.048 12.110.976 507.500 - - -	11.479.612.659 9.000.000.000 1.634.188.466 - 10.090.909 - 2.759.774.467 - 16.767.012 - - 5.000.000.000 48.803.896 47.840.182
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ Lãi cho vay Phí lưu trú Bán hàng hóa Dịch vụ tư vấn Chi phí dịch vụ mua ngoài Dịch vụ lưu trú Chi phí lãi vay Chi phí khác Cổ tức được chia Dịch vụ khác	16.535.782.987 10.165.380.822 4.539.774.864 4.330.555.552 2.000.000.000 20.457.439 17.736.111 4.191.781 841.118 - -	10.338.833.663 443.767.123 15.426.354.370 3.690.658.900 9.000.000.000 - 110.121.918 - 9.000.000.000 52.946.104

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Phí lưu trú Lãi cho vay Doanh thu hợp tác kinh doanh Bán hàng hóa Chi phí khác Chi phí dịch vụ mua ngoài Mua dịch vụ Dịch vụ khác	6.285.388.428 4.450.720.162 2.158.781.151 1.910.278.797 4.535.983 757.068 -	31.379.092 1.958.297.426 286.799.887 1.461.004.899 -
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Phí lưu trú Bán hàng hóa Lãi cho vay Mua dịch vụ Chi phí lãi vay	3.082.438.553 2.879.542.406 156.661.095 -	- 2.199.736.723 -
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Chi phí lãi vay Dịch vụ tư vấn Phí lưu trú Bán hàng hóa Mua dịch vụ Chi phí thuê văn phòng Chi phí khác Mua hàng hóa	2.413.904.112 2.000.000.000 1.773.728.848 729.632.663 162.550.088 -	1.001.547.945 -

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ Phí lưu trú Lãi cho vay Chi phí khác Bán hàng hóa	5.780.229.853 2.089.021.410 177.130.138 740.741 304.500	3.446.370.463 - 985.446.299 - -
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Phí lưu trú Dịch vụ tư vấn Lãi cho vay Mua dịch vụ Dịch vụ khác Cung cấp dịch vụ	7.756.527.521 1.000.000.000 456.677.260 14.018.519 4.358.499 217.932	- - 674.807.672 1.140.522.758 - -
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Dịch vụ khác Dịch vụ lưu trú Cung cấp dịch vụ Chi phí khác Chi phí dịch vụ mua ngoài Bán hàng hóa	5.055.518.309 4.290.999.882 4.147.554.287 1.908.003.121 292.402.070 2.431.422	35.327.273 - 3.877.948.358 - - -
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Chi phí khác Cung cấp dịch vụ	1.643.558.880 187.568.546 53.403.704	- - -

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
				VND
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Chi phí lãi vay Dịch vụ khác Cung cấp dịch vụ	632.012.328 2.438.682 1.973.776	633.546.575 - -
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chi phí được chia từ BCC	462.000.000	423.500.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ lưu trú Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Dịch vụ khác Mua dịch vụ	28.864.646 2.379.000 2.220.370 319.445 -	- - - 2.164.241 98.166.644
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay Dịch vụ khác Chi phí khác Dịch vụ lưu trú Thu nhập thanh lý tài sản cố định Cung cấp dịch vụ	2.082.465.754 21.000.000 20.400.004 9.677.175 2.000.000 132.337	- - - - - 145.481.364
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ khác Dịch vụ lưu trú Cung cấp dịch vụ	40.606.198 18.496.171 1.917.817	- - 1.538.182

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	3.612.305.256	6.988.744.500
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.393.871.597	716.265.988
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	842.864.858	399.282.700
Công ty TNHH Lễ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	411.230.400	1.848.792.655
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	303.664.028	303.664.028
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	187.352.650	902.795.849
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	76.817.050	76.482.100
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	29.041.757	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	Cung cấp dịch vụ	25.400.000	49.674.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.810.000	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	574.200	51.651.275
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	61.739.593
TỔNG CỘNG			6.887.931.796	11.399.092.688

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
VND				
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	19.400.000.000	19.400.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	15.547.181.763	205.576.897
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ	8.664.500.218	28.519.115.327
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	4.764.555.219	4.090.909.091
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	886.057.285	-
Công ty Cổ phần Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Mua dịch vụ	-	24.207.056
TỔNG CỘNG			49.262.294.485	57.339.808.371
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	37.820.000.000	38.770.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	6.700.000.000	9.600.000.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cho vay	5.250.000.000	1.750.000.000
TỔNG CỘNG			49.770.000.000	50.120.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cho vay	272.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cho vay	83.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	42.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến tre	Công ty liên kết	Cho vay	-	10.750.000.000
TỔNG CỘNG			398.100.000.000	10.750.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Môí dụng nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	VND
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Chi hộ Cổ tức được chia Lãi cho vay	15.460.502.016 7.500.000.000 93.468.493	1.037.890.945 9.000.000.000 -	
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Chi hộ Lãi cho vay Đặt cọc	14.753.180.336 5.565.380.822 -	11.898.817.601 2.860.808.000 -	
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Lãi cho vay Chi hộ	8.891.927.183 3.850.712.776	- 9.996.504.014	
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Thu nhập từ hợp đồng HTKD	3.785.216.123	-	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Chi hộ Lãi cho vay	7.110.994.072 -	1.696.531.663 -	
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty liên kết	Chi hộ	3.445.678.022	224.868.363	
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	1.736.818.628 1.301.598.350	- 2.974.631.190	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Chi hộ	396.643.200	-	
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Chi hộ	278.007.909	128.003.400	
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Chi hộ	2.554.200	1.277.100	
	Công ty liên kết	Chi hộ	-	13.501.370	
TỔNG CỘNG			74.172.682.130	39.832.833.646	

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
				VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	5.521.314.168	570.667.016
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ	2.362.294.227	1.471.951.215
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	2.201.411.343	1.600.764.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.896.946.916	789.162.996
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	Mua dịch vụ	1.841.253.700	1.841.253.700
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Mua dịch vụ	1.584.136.037	93.187.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.411.369.072	15.200.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	938.192.800	552.009.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	148.401.404	242.876.504
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Công ty con	Mua dịch vụ	70.335.000	-
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Cùng chủ sở hữu	Mua dịch vụ	-	436.364
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	-	442.213.200
TỔNG CỘNG			17.975.654.667	7.619.740.997

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
VND				
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	25.030.475.879	28.800.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	12.373.000.000	27.529.243
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cung cấp dịch vụ	10.675.955.740	10.586.082.227
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.700.000.000	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	684.457.796	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.794.000	3.794.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	42.000	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	5.300.000.000
TỔNG CỘNG			51.467.725.415	44.717.405.470
Người mua trả tiền trước dài hạn				
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	12.373.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Đặt cọc Thu hộ Lãi vay	28.530.000.000 61.660.000 4.191.781	45.000.000.000 219.723.960 -
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Đặt cọc Khác	4.000.000.000 21.514.876	4.000.000.000 21.514.876
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Lãi vay	3.783.835.618	1.701.369.864
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Lãi vay Thu hộ	3.523.849.324 232.286.000	- 1.277.425.212
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Lãi vay	1.379.253.423	855.486.300
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Chi phí được chia từ BCC	455.038.000	4.786.699.019
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Thu hộ	278.095.615	6.440.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Thu hộ	84.700.000	423.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu hộ	69.265.000	28.405.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay	1.553.425	83.884.930
TỔNG CỘNG			42.425.243.062	58.404.449.161

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
				VND
Phải trả dài hạn khác				
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con	Nhận bán giao tài sản Chi hộ	11.690.384.304 229.020.412	11.690.384.304 229.020.412
TỔNG CỘNG			11.919.404.716	11.919.404.716
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Vay	12.000.000.000	46.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Vay	-	1.700.000.000
TỔNG CỘNG			12.000.000.000	47.700.000.000
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Vay	45.750.000.000	48.650.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Vay	12.745.000.000	12.745.000.000
TỔNG CỘNG			58.495.000.000	61.395.000.000



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (" HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 (Tổng Giám đốc đến ngày 27 tháng 4 năm 2021)	884.900.000	386.276.801	
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc từ ngày 6 tháng 2 năm 2022	685.378.000	-	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022 (Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022)	96.000.000	83.200.000	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT từ ngày 27 tháng 4 năm 2021	96.000.000	32.000.000	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022	96.000.000	83.200.000	
Ông Vũ Việt Bàn	Thành viên HĐQT	64.000.000	83.200.000	
Bà Nguyễn Thủy Vân	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022	32.000.000	-	
Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	450.500.000	
Bà Trần Võ Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	248.906.966	
Ông Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 27 tháng 7 năm 2021	-	384.325.011	
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	51.200.000	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	51.200.000	
TỔNG CỘNG		1.954.278.000	1.854.008.778	

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	3.426.519.360	1.076.265.236
Từ 1 – 5 năm	5.579.591.867	557.606.400
Trên 5 năm	3.554.740.800	3.694.142.400
TỔNG CỘNG	12.560.852.027	5.328.014.036

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngoại tệ - USD	1.987,69	3.334,79

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập



Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Đặng Đình Việt
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022